

Số: 504/QĐ-UBND

*Cao Bằng, ngày 30 tháng 3 năm 2007*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc Ban hành Bảng giá đất ở, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp năm 2007 trên địa bàn huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Giá ngày 26 tháng 4 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về Phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Căn cứ Quyết định số 2943/2006/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Ban hành Bảng giá các loại đất năm 2007 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Xét Tờ trình số 70/TTr-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân huyện Nguyên Bình;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 344/TTr-STC ngày 19 tháng 3 năm 2007 về việc Ban hành Bảng phân loại giá các loại đất năm 2007 trên địa bàn huyện Nguyên Bình,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng giá đất ở, đất sản xuất kinh doanh, phi nông nghiệp năm 2007 trên địa bàn huyện Nguyên Bình để làm căn cứ: Tính thuế sử dụng đất; thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất; tính tiền sử dụng đất và tiền thuê đất khi giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất; tính giá trị quyền sử dụng đất khi giao đất không thu tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ, bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; tính tiền bồi thường đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai mà gây thiệt hại cho Nhà nước.

**Điều 2.** Bảng giá đất ban hành kèm Quyết định này được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2007.

Các quy định về giá các loại đất khác không có trong Quyết định này áp dụng theo quy định tại Quyết định số 2943/2006/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nguyên Bình, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Xây dựng, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Bê Quốc Thịnh**

**BẢNG PHÂN LOẠI GIÁ ĐẤT Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2007 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NGUYÊN BÌNH**  
(Kèm theo Quyết định số 504/QĐ - UBND ngày 30 tháng 3 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

**A. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NGUYÊN BÌNH**

**I. Bảng giá đất ở, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại thị trấn**

*Đơn vị tính: Đồng/m<sup>2</sup>*

Đô thị	Loại đường phố	Vị trí			
		1	2	3	4
Thị trấn Nguyên Bình	I	1.164.000	582.000	291.000	145.000
	II	834.000	420.000	210.000	105.000
	III	600.000	300.000	150.000	75.000
	IV	432.000	216.000	108.000	54.000
	V	312.000	156.000	78.000	45.000

**II. Bảng giá đất ở, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn**

*Đơn vị tính: Đồng/m<sup>2</sup>*

Số TT	Loại xã	Khu vực	Vị trí			
			1	2	3	4
1	Loại 2	Khu vực 1	187.000	95.000	48.000	40.000
		Khu vực 2	112.000	56.000	40.000	35.000
		Khu vực 3	68.000	40.000	30.000	25.000
2	Loại 3	Khu vực 1	68.000	40.000	30.000	25.000
		Khu vực 2	45.000	30.000	25.000	20.000
		Khu vực 3	30.000	25.000	20.000	18.000

Ghi chú: Cách áp dụng vị trí cho một số trường hợp cụ thể đối với đất ở, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại thị trấn, nông thôn được áp dụng như Quyết định số 2943/2006/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

## **B. PHÂN LOẠI ĐƯỜNG PHỐ, KHU VỰC VÀ VỊ TRÍ ĐẤT THỊ TRẤN, CÁC XÃ HUYỆN NGUYÊN BÌNH**

### **I. Thị trấn Nguyên Bình**

\* Bao gồm 5 loại đường phố từ I đến V.

\* Quy định chung về phân loại vị trí được xác định như sau (trừ trường hợp các vị trí đất đã được xác định cụ thể):

- *Vị trí 1*: Các vị trí đất mặt tiền của các loại đường phố.

- *Vị trí 2*: Các vị trí đất mặt tiền của các loại đường nhánh, ngõ > 3 m mà xe ô tô đi lại được.

- *Vị trí 3*: Các vị trí đất mặt tiền của các loại đường nhánh, ngõ có chiều rộng từ 2 m - 3 m mà xe công nông đi lại được.

- *Vị trí 4*: Các vị trí đất còn lại.

### **1. Đường phố loại I**

Bao gồm các đoạn đường sau:

- Từ nhà ông Thân Văn Minh (Tổ 2), theo Quốc lộ 34 đến hết nhà bà Hoàng Thị Vi (Tổ 4);

- Từ ngã ba Quốc lộ 34 theo đường lên trụ sở Ủy ban nhân dân huyện, lên hết nhà bà Lưu Thị Liên (Tổ 3).

*Xác định vị trí cụ thể của đường phố loại I:*

\* *Vị trí 1*: Các vị trí đất mặt tiền của đường phố loại I.

\* *Vị trí 2*:

- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ nhà ông Lục Văn Nguyên (Tổ 3), theo đường lên Trường Nội trú đến hết nhà ông Nguyễn Văn Hải (Tổ 3);

- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ Quốc lộ 34 vào Trường Mầm non Thị trấn Nguyên Bình đến hết nhà ông Lương Văn An (Tổ 4);

+ Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ nhà ông Đặng Văn Páo (Tổ 2) đến trụ sở Công an huyện;

- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ Quốc lộ 34 theo đường vào Ban Chỉ huy Quân sự huyện đến sân trụ sở.

\* *Vị trí 3*:

- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ tiếp giáp nhà ông Nguyễn Văn Hải (Tổ 3) đến hết Trường Nội trú;

- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường tiếp giáp nhà ông Nguyễn Văn Hải (Tổ 3) đến hết Trạm Khí tượng - Thủy văn;

- Đất có mặt tiền từ nhà ông Nguyễn Văn Hải (Tổ 3) đến hết nhà bà Lưu Thị Diệp (Tổ 3);

- Đất khu cửa hàng ăn cũ;

- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ cổng trụ sở Công an huyện theo đường vào cụm dân cư sau trụ sở Công an huyện đến hết nhà bà Nguyễn Thị Độ (Tổ 2).

\* *Vị trí 4*: Các vị trí đất còn lại.

## **2. Đường phố loại II**

Bao gồm các đoạn đường sau:

- Từ tiếp giáp nhà ông Thân Văn Minh (Tổ 2), theo Quốc lộ 34 đến hết nhà ông Nông Văn Tinh (Tổ 1);

- Từ nhà bà Hoàng Thị Vĩ (Tổ 4), theo Quốc lộ 34 đến hết nhà bà Nguyễn Thị Hoà (Tổ 5);

- Từ tiếp giáp nhà bà Lưu Thị Liên (Tổ 3), theo đường lên trụ sở Ủy ban nhân dân huyện đến hết nhà ông Hoàng Văn Tuấn (Tổ 3);

- Từ dãy nhà Khôi Dân, theo đường lên Phòng Giáo dục - Đào tạo đến hết Phòng Giáo dục - Đào tạo;

- Các vị trí đất mặt tiền đường xung quanh đình chợ.

*Xác định vị trí cụ thể của đường phố loại II:*

\* *Vị trí 1*: Các vị trí đất mặt tiền của đường phố loại II.

\* *Vị trí 2*:

- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ nhà ông Triệu Văn Quý (Tổ 1), theo đường vào Trung tâm Chính trị huyện đến cổng Trung tâm Chính trị huyện;

- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ ngã tư đường rẽ đi Bệnh viện đến cầu Pác Mãn;

- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ tiếp giáp nhà hạp Khu Bình Minh đến cổng Trường cấp II, III.

\* *Vị trí 3*: Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ đường rẽ gần cổng Trung tâm Chính trị huyện theo đường nhánh vào đến nhà ông Bàn Tiến Sơn (Tổ 1).

\* *Vị trí 4*: Các vị trí đất còn lại.

## **3. Đường phố loại III**

Bao gồm các đoạn đường sau:

- Từ tiếp giáp nhà bà Nguyễn Thị Hoà (Tổ 5), theo Quốc lộ 34 đến hết nhà ông Nguyễn Hữu Thìn (Tổ 5);

- Từ tiếp giáp nhà ông Nông Văn Tinh (Tổ 1), theo Quốc lộ 34 đến cầu Vạ Diệp.

*Xác định vị trí cụ thể của đường phố loại III:*

\* *Vị trí 1:* Các vị trí đất mặt tiền của đường phố loại III.

\* *Vị trí 2:* Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ ngã ba Quốc lộ 34 theo tỉnh lộ 202 đến của Khuổi Giảo.

\* *Vị trí 4:* Các vị trí đất còn lại.

#### **4. Đường phố loại IV**

Bao gồm các đoạn đường sau:

- Từ đầu cầu Vạn Diệc, theo Quốc lộ 34 đến hết nhà ông Mạc Văn Mến (Nà Phiêng);

- Từ tiếp giáp nhà ông Nguyễn Hữu Thìn (Tổ 5), theo Quốc lộ 34 đến hết nhà bà Hoàng Thị Sen (Tổ 5).

*Xác định vị trí cụ thể của đường phố loại IV:*

\* *Vị trí 1:* Các vị trí đất mặt tiền của đường phố loại IV.

\* *Vị trí 4:* Các vị trí đất còn lại của đường phố loại IV và đất các xóm Bó Seo, Bản Luộc, Nà Bon.

#### **5. Đường phố loại V**

Bao gồm các đoạn đường sau:

- Từ tiếp giáp nhà Hoàng Thị Sen (Tổ 5), theo Quốc lộ 34 đến hết địa phận Thị trấn Nguyên Bình;

- Từ cầu Pác Mãn qua Phô Cũ đến ngã ba Nà Phiêng.

*Xác định vị trí cụ thể của đường phố loại V:*

\* *Vị trí 1:* Các vị trí đất mặt tiền của đường phố loại V.

\* *Vị trí 2:*

- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ tiếp giáp nhà ông Hoàng Văn Tuấn (Tổ 3) đến hết nhà ông Hà Đức Cỏ (Bản Luộc);

- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ ngã ba cổng phụ Ủy ban nhân dân huyện đến hết nhà ông Lê Huy Bằng (Tổ 3);

- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ Phô Cũ đến xóm Pác Mãn trong;

- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ tiếp giáp nhà ông Dương Văn Khảm đến Nhà máy Xi măng cũ.

\* *Vị trí 3:* Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ ngã ba Nà Phiêng, theo đường vào xóm Nà Kéo đến hết đường mà xe công nông đi lại được.

\* *Vị trí 4:* Gồm đất còn lại của xóm Nà Kéo và đất tại các xóm Thôm Sắn, Cốc Tắm, Khuổi Khiếu.

Ghi chú: Trường hợp các vị trí đất tiếp sau vị trí 1 chưa quy định cụ thể thì áp dụng theo quy định chung về phân loại vị trí theo loại đường phổ tương ứng.

## **II. Thị trấn Tĩnh Túc**

### **1. Đường phố loại III**

Đoạn đường từ Cầu 1 theo Quốc lộ 34 đến hết nhà ông Lý Văn Luân (hết tường rào Trường Tiểu học Thị trấn Tĩnh Túc).

*Xác định vị trí cụ thể của đường phố loại III:*

\* *Vị trí 1:* Các vị trí đất mặt tiền của đường phố loại III.

\* *Vị trí 4:* Các vị trí đất còn lại.

### **2. Đường phố loại IV**

- Đoạn đường từ Cầu 1, theo Quốc lộ 34 đến Cầu 3;

- Đoạn đường giáp nhà ông Lý Văn Luân, theo Quốc lộ 34 đến hết công bảo vệ Xí nghiệp Thiếc - Công ty Khoáng sản;

- Đoạn đường từ Quốc lộ 34, theo đường vào chợ Phúc Lợi, Trường cấp II, III cũ đến hết đường mà xe ô tô đi lại được.

*Xác định vị trí cụ thể của đường phố loại IV:*

\* *Vị trí 1:* Các vị trí đất có mặt tiền của đường phố loại IV.

\* *Vị trí 2:*

- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường nhánh rẽ từ Quốc lộ 34 lên đến cổng Xí nghiệp Fê rô (cũ);

- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường nhánh rẽ từ Quốc lộ 34 lên đến cổng trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn Tĩnh Túc;

- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường nhánh rẽ từ Quốc lộ 34 xuống Bệnh viện đến hết bãi quay xe (Bệnh viện Tĩnh Túc);

- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường nhánh rẽ từ Quốc lộ 34 (gần quán ăn dịch vụ Phúc Lợi) xuống dãy nhà khu lương thực cũ đến hết nhà ông Nông Văn Quảng.

\* *Vị trí 4:* Các vị trí đất còn lại.

### **3. Đường phố loại V**

- Từ công bảo vệ Xí nghiệp Thiếc theo Quốc lộ 34 đến hết địa giới Thị Trấn Tĩnh Túc (giáp xã Phan Thanh);

- Từ Cầu 3 dọc theo Quốc lộ 34 đến hết địa giới Thị trấn Tĩnh Túc (giáp xã Thê Dục và xã Quang Thành).

*Xác định vị trí đất cụ thể của đường phố loại V:*

\* *Vị trí 1:* Không có

\* *Vị trí 2:*

- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ cổng bảo vệ Xí nghiệp Thiếc, theo Quốc lộ 34 đến đường rẽ đi xã Vũ Nông;

- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ Cầu 3, dọc theo Quốc lộ 34 đến Cầu 6.

\* *Vị trí 3:*

- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ đường rẽ đi xã Vũ Nông, dọc theo Quốc lộ 34 đến hết địa giới Thị trấn Tĩnh Túc (giáp xã Phan Thanh);

- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ Cầu 6, dọc theo Quốc lộ 34 đến hết địa giới Thị trấn Tĩnh Túc (giáp xã Thê Dục và xã Quang Thành).

\* *Vị trí 4:* Các vị trí đất xóm Phiêng Cà, Nặm Sâu và các xóm còn lại.

Ghi chú: Trường hợp các vị trí đất tiếp sau vị trí 1 chưa quy định cụ thể thì áp dụng theo quy định chung về phân loại vị trí theo loại đường phổ tương ứng.

### **III. Các xã thuộc huyện Nguyên Bình**

\* Bao gồm xã loại 2 và xã loại 3.

\* Phân loại đất trong mỗi xã thành từ 2 đến 3 Khu vực theo địa giới hành chính của xã.

\* Phân loại đất trong mỗi Khu vực theo các vị trí như sau (trừ trường hợp các vị trí đất đã được xác định cụ thể):

- *Vị trí 1:* Các vị trí đất mặt tiền của các Khu vực.

- *Vị trí 2:* Các vị trí đất có mặt tiền của các đoạn đường nhánh, ngõ của các khu vực có chiều rộng > 2,5 m mà xe ô tô, xe công nông đi lại được.

- *Vị trí 3:* Các vị trí đất có mặt tiền của các đoạn đường nhánh, ngõ của các khu vực có chiều rộng từ 1 m - 2,5 m mà xe máy đi lại được.

- *Vị trí 4:* Các vị trí đất còn lại.

#### **CÁC XÃ LOẠI 2**

##### **1. Xã Thê Dục**

###### ***a) Khu vực 1***

\* *Vị trí 1:* Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ tiếp giáp với địa phận Thị trấn Nguyên Bình, dọc theo Quốc lộ 34 đến ngã ba (đường rẽ đi xã Triệu Nguyên).

\* *Vị trí 2:* Đất có mặt tiền từ ngã ba Quốc lộ 34 đi xã Triệu Nguyên đến hết nhà ông Hoàng Văn Hoà và các vị trí đất tiếp sau vị trí 1 của các xóm Bản Nùng 1, Bản Nùng 2 dọc Quốc lộ 34.

\* *Vị trí 3:* Đất tại các xóm Bản Nùng 1, Bản Nùng 2 không thuộc đất dọc theo Quốc lộ 34.

###### ***b) Khu vực 3***

\* *Vị trí 1:* Đất tại các xóm Phja Toọc, Pác Bó, Nặm Bjoóc.



\* *Vị trí 4*: Các vị trí đất còn lại.

## **2. Xã Minh Thanh**

### **a) Khu vực 2**

\* *Vị trí 2*: Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ nhà ông Hà Văn Luân (xóm Vũ Ngược), dọc theo Quốc lộ 34 đến cầu Nà Luộc.

\* *Vị trí 3*:

- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ cầu Nà Luộc, dọc Quốc lộ 34 đến cầu Hoàng Quang;

- Đất có mặt tiền của các đoạn đường thuộc xóm Nà Luộc, Tổng Say, Nà Tổng.

### **b) Khu vực 3**

\* *Vị trí 3*: Đất không có mặt tiền của các đoạn đường thuộc các xóm Nà Luộc, Tổng Say, Nà Tổng.

\* *Vị trí 4*: Các vị trí đất còn lại.

## **3. Xã Lang Môn**

### **a) Khu vực 2**

\* *Vị trí 1*:

- Đất có mặt tiền dọc Quốc lộ 34 từ nhà ông Ma Thế Hùng đến hết nhà ông Nông Văn Hoàn;

- Đất có mặt tiền từ ngã ba Quốc lộ 34 lên đến cổng Trường cấp II, III Nà Bao.

\* *Vị trí 4*:

- Đất có mặt tiền dọc Quốc lộ 34 từ lò gạch Hợp tác xã Trường Thịnh đến hết nhà ông Lương Văn Bộ;

- Đất có mặt tiền dọc đường Quốc lộ 34 từ nhà ông Lân Văn Dương đến hết địa phận xã Lang Môn;

- Đất có mặt tiền dọc đường 135 từ nhà ông Nông Sầm Mạnh đến hết nhà ông Triệu Nguyễn Hưng.

### **b) Khu vực 3**

\* *Vị trí 1*:

- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ ngã ba Quốc lộ 34 đi xóm Kẻ Già đến hết nhà ông Nông Sầm Mạnh;

- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ ngã tư Quốc lộ 34 lên đường vào xã Minh Tâm cách Quốc lộ 34: 100 m;

- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường mở mới song song Quốc lộ 34 nối từ đường đi Minh Tâm đến chợ Nà Bao.

\* *Vị trí 2:*

- Đất có mặt tiền dọc Quốc lộ 34 từ giáp nhà ông Nông Văn Hoàn đến hết lò gạch Hợp tác xã Trường Thịnh (Nà Bao);

- Đất có mặt tiền dọc đường Quốc lộ 34 từ giáp nhà ông Ma Thế Hùng đến hết địa phận xã Lang Môn (giáp địa phận xã Bắc Hợp).

\* *Vị trí 3:* Đất có mặt tiền dọc Quốc lộ 34 từ tiếp giáp nhà ông Lương Văn Bộ đến nhà ông Lân Văn Dương.

\* *Vị trí 4:* Đất tại các vị trí khác còn lại.

#### **4. Xã Bắc Hợp**

##### **a) Khu vực 2**

\* *Vị trí 4:*

- Đất có mặt tiền dọc theo đường trục xã từ nhà ông Hoàng Văn Hưu (xóm Bản Nưa) đến hết nhà ông Ma Văn Quấn;

- Đất có mặt tiền dọc đường liên xã từ đầu cầu Tà Sa đến hết cầu Bó Cáy (xóm Tà Sa).

##### **b) Khu vực 3**

\* *Vị trí 3:*

- Đất có mặt tiền dọc Quốc lộ 34 qua hết địa phận xã, đất tại xóm Bản Ính;

- Đất tại các xóm Bản Chang, Đông Rẻo, Bản Nưa, Tà Sa không thuộc đất mặt tiền đường trục xã.

\* *Vị trí 4:* Đất tại các xóm Lũng Nặm, Minh Long, Pù Lầu.

#### **5. Xã Minh Tâm**

##### **a) Khu vực 2**

\* *Vị trí 4:* Đất tại khu vực đồng bằng tại các xóm Thôm Phát, Gòi Gà và đất tại các xóm Bản Mầu (phần thuộc xóm Bản Cải cũ), Pác Phai, Nà Ca, Đông Chang không thuộc đất mặt tiền đường trục xã.

##### **b) Khu vực 3**

\* *Vị trí 1:* Đất có mặt tiền theo trục đường xã từ Trường cấp I, II đến hết Phai Tổng Nạn.

\* *Vị trí 2:*

- Đất có mặt tiền theo đường trục xã từ Phai Tổng Nạn đến hết Nhà Văn hoá xóm Bản Cải;

- Đất có mặt tiền từ tiếp giáp Trường cấp I, II đến ao Pác Cáp (xóm Nà Ca).

\* *Vị trí 3*: Đất tại khu vực đồng bằng tại các xóm Bản Cải cũ, Phiêng Sa, Khuôn Nộc, Nà Lặng, Kéo Gạm thuộc mặt tiền đường trục xóm.

\* *Vị trí 4*: Các vị trí đất còn lại.

## **6. Xã Thịnh Vượng**

### **a) Khu vực 2**

\* *Vị trí 4*: Đất có mặt tiền dọc đường Quốc lộ 3 từ nhà ông Nông Văn Siu đến hết nhà ông Chu Trung Thành (xóm Khuổi Thín).

### **b) Khu vực 3**

\* *Vị trí 4*: Đất tại các vị trí khác còn lại.

## **7. Xã Tam Kim**

### **a) Khu vực 2**

\* *Vị trí 2*: Đất có mặt tiền dọc đường tỉnh lộ 202 từ nhà ông Hồ Quảng Bạch đến đường rẽ Ủy ban nhân dân xã mới.

\* *Vị trí 3*: Đất các xóm Nà Mạ, Nà Múc, Pác Cáp, Bản Um, Nà Vạ, Nà Viêng, An Mã, Pác Dài.

\* *Vị trí 4*: Đất vị trí các xóm còn lại.

## **8. Xã Thành Công**

### **a) Khu vực 2**

\* *Vị trí 1*: Đất có mặt tiền từ nhà ông Du Hồng Vi, theo tỉnh lộ 212 đến đường rẽ lên Trường cấp I (xóm Phia Đén).

\* *Vị trí 2*:

- Đất có mặt tiền dọc đường tỉnh lộ 212 từ nhà ông Du Hồng Vi đến Trường cấp II;

- Đất có mặt tiền dọc đường Phan Thanh từ ngã ba tỉnh lộ 212 đến giáp xã Phan Thanh;

- Đất có mặt tiền dọc đường tỉnh lộ 212 từ Trường cấp I đến nhà ông Chu Văn Nàm;

- Đất có mặt tiền từ ngã ba đi trụ sở Ủy ban nhân dân xã đến nhà ông Triệu Văn Chung.

### **b) Khu vực 3**

\* *Vị trí 3*:

- Đất các vị trí khác tại xóm Phia Đén;

- Đất tại các xóm: Khau Cẳng, Bản Đổng, Bản Chang, Nà Bản.

\* *Vị trí 4*: Các vị trí đất còn lại.

### CÁC XÃ LOẠI 3

#### **1. Xã Quang Thành**

##### **a) Khu vực 2**

\* *Vị trí 3*: Đất có mặt tiền dọc theo đường trục xã từ nhà ông Đặng Quỳ Nân đến hết trạm xá Quang Thành.

\* *Vị trí 4*:

- Đất có mặt tiền dọc đường trục xã từ giáp nhà ông Đặng Quỳ Nân đến đường tỉnh lộ 212;

- Đất có mặt tiền đường trục xã từ Trạm xá đến hết địa phận xã Quang Thành (giáp xã Tam Kim).

##### **b) Khu vực 3**

\* *Vị trí 4*: Đất các vị trí khác còn lại.

#### **2. Xã Thái Học**

##### **a) Khu vực 2**

\* *Vị trí 3*: Đất có mặt tiền dọc theo đường trục xã từ giáp địa phận xã Minh Thanh đến hết xóm Lũng Rào.

##### **b) Khu vực 3**

\* *Vị trí 3*: Đất tại các xóm Lũng Vài, Lũng Chang, Lũng Ỉn, Lũng Rào không thuộc mặt tiền đường trục xã.

\* *Vị trí 4*: Đất tại các vị trí khác còn lại.

#### **3. Xã Hoa Thám**

##### **a) Khu vực 2**

\* *Vị trí 3*:

- Đất có mặt tiền dọc theo trục đường xã từ tiếp giáp xã Tam Kim đến hết Nhà Văn hoá (xóm Cẩm Tệm);

- Đất tại các xóm: Thang Coong, Cẩm Tệm.

##### **b) Khu vực 3**

\* *Vị trí 4*: Đất các vị trí khác còn lại.

#### **4. Xã Triệu Nguyên**

##### **a) Khu vực 2**

\* *Vị trí 2*: Đất có mặt tiền dọc theo đường trục xã.

##### **b) Khu vực 3**

\* *Vị trí 4*: Các vị trí đất còn lại.

## **5. Xã Vũ Nông**

### **a) Khu vực 2**

\* *Vị trí 1:*

- Đất có mặt tiền dọc theo Quốc lộ 34 đến ngã ba Ca Thành;

- Đất có mặt tiền dọc theo đường rẽ từ Quốc lộ 34 vào trụ sở Ủy ban nhân dân xã.

### **b) Khu vực 3**

\* *Vị trí 1:* Đất có mặt tiền dọc Quốc lộ 34 cũ tính từ đoạn rẽ ngã ba Ca Thành đến hết địa phận xã Vũ Nông.

\* *Vị trí 2:* Đất có mặt tiền từ Quốc lộ 34 xuống xóm Lũng Nội.

\* *Vị trí 3:* Đất có mặt tiền từ Quốc lộ 34 cũ xuống xóm Xiên Pèng.

\* *Vị trí 4:* Các vị trí đất còn lại.

## **6. Xã Yên Lạc**

### **a) Khu vực 2**

\* *Vị trí 2:* Đất có mặt tiền dọc trục đường Quốc lộ 34 cũ.

### **b) Khu vực 3**

\* *Vị trí 2:* Đất có mặt tiền dọc đường Lũng Súng, Tàn Pà.

\* *Vị trí 4:* Các vị trí đất còn lại.

## **7. Xã Ca Thành**

### **a) Khu vực 2**

\* *Vị trí 1:* Đất có mặt tiền dọc Quốc lộ 34.

### **b) Khu vực 3**

\* *Vị trí 1:* Đất có mặt tiền dọc trục đường rẽ từ Quốc lộ 34 vào xóm Nộc Soa.

\* *Vị trí 2:* Đất có mặt tiền dọc Quốc lộ 34 vào xóm Khuôi Mị.

\* *Vị trí 4:* Các vị trí đất còn lại.

## **8. Xã Phan Thanh**

### **a) Khu vực 2**

\* *Vị trí 1:* Đất có mặt tiền dọc đường liên xã từ ngã ba Xéo Sliăng đến hết đập tràn Lý Boi.

\* *Vị trí 2:* Đất có mặt tiền dọc trục đường liên xã từ đập Lý Boi đến hết địa giới xã Phan Thanh.

### **b) Khu vực 3**

\* *Vị trí 2:*

- Đất có mặt tiền dọc đường rẽ trục đường xã đi xóm Năm Sơ;

- Đất có mặt tiền dọc trục đường rẽ trục đường xã đi xóm Lũng Cam.

\* *Vị trí 4*: Các vị trí đất còn lại.

## **9. Xã Mai Long**

### **a) Khu vực 2**

\* *Vị trí 2*:

- Đất có mặt tiền dọc theo đường trục xã;

- Đất có mặt tiền dọc theo trục đường lớn từ Ủy ban nhân dân xã đi chợ Pác Nặm xã Bằng Thành huyện Pác Nặm tỉnh Bắc Kạn.

### **b) Khu vực 3**

\* *Vị trí 2*: Đất các vị trí khác thuộc xóm Nà Lâm, Bó Cạn, Bản Chang.

\* *Vị trí 4*: Đất các vị trí khác còn lại.

## **10. Xã Hưng Đạo**

### **a) Khu vực 2**

\* *Vị trí 2*: Đất có mặt tiền dọc theo trục đường xã.

### **b) Khu vực 3**

\* *Vị trí 4*: Đất các vị trí khác còn lại.

Ghi chú: Trường hợp các vị trí đất sau vị trí 1 thuộc các khu vực của các loại xã chưa quy định cụ thể thì áp dụng theo quy định chung về phân loại vị trí theo khu vực và loại xã tương ứng.